

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 28/3/2022 14:37 28/03

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Giá heo giao ngay lần kỳ hạn tại Trung Quốc ít biến động trong phiên giao dịch đầu tuần do thiếu các trợ lực về cung cầu. Theo đó, hôm nay giá heo bình quân tại Trung Quốc linh xình quanh 12,4 tệ/kg, tương đương 44.000 đồng/kg trong khi tại các tỉnh miền Nam, giá từ 13-13,4 tệ/kg, tương đương 47-48.000 đồng/kg.
- Tại sàn Đại Liên, giá heo kỳ hạn tháng 5-7/2022 giảm nhẹ còn quanh 12,6-14,7 tệ/kg, tương đương 45-54.000 đồng/kg.
- Việc giá heo duy trì ở mức thấp trong giai đoạn dài khiến cho công ty chăn nuôi/người chăn nuôi Trung Quốc thua lỗ, phải tính phương án chuyển đổi công thức thức ăn chăn nuôi để giảm giá thành và cũng khiến cho nhập khẩu thịt của nước này giảm mạnh.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, việc các công ty chững đả tăng giá vào cuối tuần trước khiến heo dân đồ ra bán nhiều hơn, với vùng giá từ 53-55.000 đồng/kg. Do đó, mặc dù lượng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc giảm đáng kể do vùng chênh lệch không còn hấp dẫn nhưng mặt bằng giá heo miền Bắc hôm nay cũng giảm còn phổ biến 54-55.000 đồng/kg, mức trên 55.000 đồng/kg khó bán. Dự kiến heo dân miền Bắc sẽ vẫn bán ra mạnh vào đầu tuần sau đó giảm nhịp bán vào giữa và cuối tuần.
- Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ vẫn khá chậm do ảnh hưởng của dịch Covid 19 cùng thời tiết nắng hơn, các công ty cũng có xu hướng linh hoạt giá để tránh tồn kho.

Miền Trung & miền Nam

- Tại **miền Trung và miền Nam**, 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, giao dịch heo ảm đạm do lực đóng heo ra Bắc gần như đóng băng. Với mặt bằng giá miền Bắc hiện nay thì heo loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam phải giảm còn dưới 51.000 đồng/kg mới có lực cầu đóng ra Bắc. Theo đó, mặc dù một số công ty lớn vẫn giữ giá heo quanh 55-57.000 đồng/kg nhưng cũng có công ty giảm còn quanh 53-54.000 đồng/kg khi thị trường giao dịch chậm.

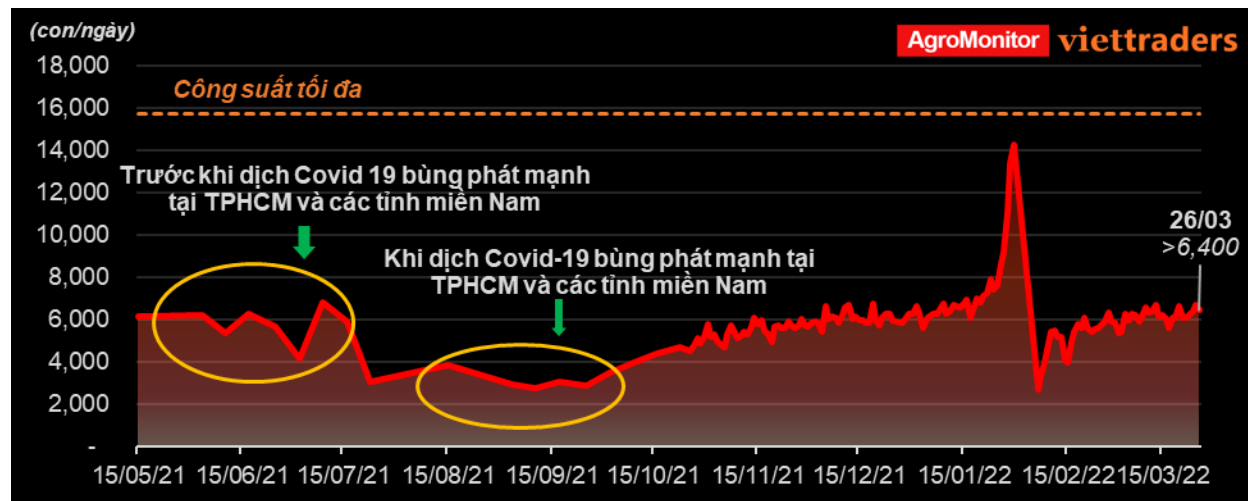
Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ giảm lại, còn khoảng 2.500 con, trong đó có 4-5 xe heo miền Nam. Do giá heo dân rẻ nên thương lái có xu hướng chuyển bắt heo dân nhiều hơn, giảm mua tại chợ nên chợ bán chậm, với giá heo đầu 56.000 đồng/kg, phổ biến 53.000 đồng/kg.
- Tại **chợ Tân Xuân**, trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, do nhu cầu đóng heo ra bắc giảm nên heo đưa về chợ vẫn khá nhiều, quanh 4.200-4.300 con/ngày cho dù giá rớt mạnh vào những phiên giao dịch giữa tuần. Chợ bán yếu, với giá rớt từ 50.000 đồng/kg trở lên, gây thua lỗ cho các thương lái đưa hàng về chợ. Thương lái bán lẻ cho biết, do lượng thịt heo nhập khẩu về Việt Nam giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm 2022 nên tiêu

thụ phụ phẩm như chân giò, xương, đùi khá tốt, cùng mức giá cao trong khi tiêu thụ thịt chính phẩm như ba rọi (ba chỉ), thăn, vai lại rất chậm.

Lượng Heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 26/3/2022 (con/ngày) 10:18 26/03

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 26/03/2022 (con/ngày)

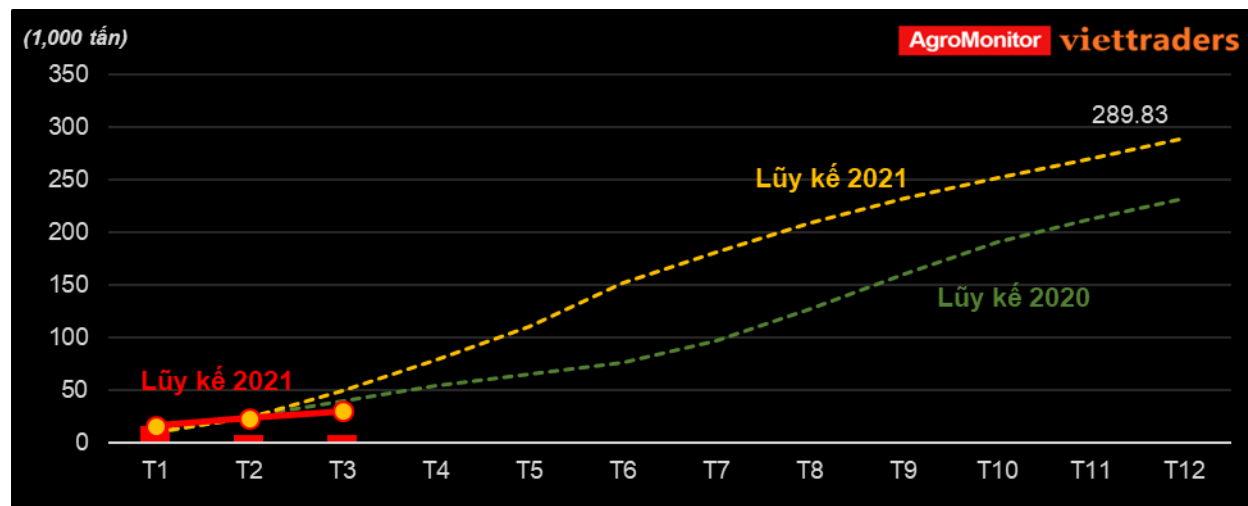


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 22/3/2022 (nghìn tấn) 13:13 25/03

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 22/03/2022

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và Heo con ngày 28/3/2022 08:29 28/03

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực	28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
---------	------------	------------	------------

Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		56.000	57.000	55.000-57.000
Heo dân	Thái Bình	53.000-56.000	55.000-57.000	54.000-57.000
	Bắc Giang	54.000-56.000	55.000-56.000	53.000-56.000
	Hà Nội	54.000-56.000	55.000-56.000	54.000-56.000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		120.000-125.000	120.000-125.000	120.000-125.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	55.000	56.000	54.000-56.000
	Nam Trung Bộ	55.000-57.000	55.000-57.000	53.000-57.000
Heo dân	Nghệ An	53.000-54.000	53.000-55.000	52.000-55.000
	Bình Định	54.000-55.000	54.000-56.000	54.000-56.000
	Đắc Lắc	52.000-54.000	52.000-55.000	51.000-55.000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	55.500-57.000	55.500-57.000	52.500-57.000
	Miền Tây	55.500-57.000	55.500-57.000	52.500-57.000
Heo dân	Đồng Nai	53.000-56.000	53.000-56.000	51.000-56.000
	Tiền Giang	52.000-55.000	52.000-55.000	51.000-55.000
	Bến Tre	52.000-54.000	52.000-54.000	50.000-54.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 28/3/2022 11:27 28/03

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	38.000-39.500	39.000-41.500	39.000-42.500
	Miền Nam	34.000-36.000	34.000-36.000	30.000-33.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	37.000-39.000	39.000-41.000	38.000-41.000
	Vĩnh Phúc	38.000-39.000	40.000-41.500	38.000-41.500
	Hà Nội	38.000-39.000	40.000-41.500	38.000-41.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	35.000-36.000	35.000-36.000	30.000-33.000
	Bình Phước	35.000-36.000	35.000-36.000	30.000-33.000

Gà màu

Bảng 3. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	41.000-43.000	37.000-41.000	37.000-41.000
Gà ta lai CP – miền Trung	40.000-44.000	40.000-44.000	40.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Nam	44.000-45.000	44.000-45.000	44.000-45.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-52.000	45.000-48.000	45.000-48.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	55.000-58.000	55.000-58.000	55.000-58.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	53.000-55.000	50.000-51.000	50.000-51.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	55.000-60.000	55.000-60.000	55.000-60.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	42.000-44.000	40.000-42.000	38.000-42.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	40.000-43.000	40.000-43.000	38.000-43.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	44.000-45.000	43.000-44.000	43.000-46.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 28/3/2022 08:00 28/03

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo hơi Trung Quốc chưa có nhiều điều chỉnh.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	12,36	▼0,03	▼13,86	44.400
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	13,00	▲0,07	▼15,23	46.700
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	12,63	▼0,10	-	45.300
	(DCE) T5/2022	CNY/kg	14,69	▼0,04	-	52.700
	(DCE) T7/2022	CNY/kg	16,94	▲0,05	-	60.800
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	89,50	—0,00	▲9,25	62.300
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	86,00	—0,00	▲6,00	59.900
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	11.098	▼4	-	62.700
Lào	Giao ngay	LAK/kg	30.312	▼51	-	59.400
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	56.267	▼5.256	▲6.977	89.500
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	82,39	—0,00	▲11,96	41.800
Canada	Giao ngay	Penny/kg	235,47	—0,00	▲34,15	42.900
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,12	—0,00	▲0,04	25.800

Giá heo con tại Mỹ ít biến động so với tuần trước, nhu cầu vào đàn mới giai đoạn này tương đối ổn định do nguồn cung heo thịt năm 2022 được nhân định có chiều hướng giảm.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/con
				1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	24,32	▲0,11	▼69,27	611.100
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	2.600	▲100	▲200	1.800.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.000 (+/- 88)	▲100	▲200	2.070.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	65,36	▼2,51	-	1.504.000
	Biểu 18kg	USD/con	119,89	▲2,02	-	2.760.000

EU	Giá bình quân	EUR/con	53,50	▲ 7,11	▼ 0,67	1.385.000
----	---------------	---------	-------	--------	--------	-----------

Thị trường Gia súc thế giới ngày 28/3/2022

08:30 28/03/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 28/03/2022		
Thị trường Heo	<p>▶ Giá heo Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo giao ngay lần kỳ hạn tại Trung Quốc ít biến động trong phiên giao dịch đầu tuần do thiếu các trợ lực về cung cầu. Theo đó, hôm nay giá heo bình quân tại Trung Quốc linh xình quanh 12,4 tệ/kg, tương đương 44.000 đồng/kg; - Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 13,00 tệ/kg, tương đương ~47.000 đồng/kg; - Giá heo kỳ hạn tháng 5/2022 khớp phiên 28/03 giảm xuống 12,63 tệ/kg, tương đương >45.000 đồng/kg (▼0,8%); - Giá heo con 7kg đạt 24,32 tệ/kg, tương đương >610.000 đồng/con. 	<p>▶ Sản xuất – Thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc giá heo duy trì ở mức thấp trong giai đoạn dài khiến cho công ty chăn nuôi/người chăn nuôi Trung Quốc thua lỗ, phải tính phương án chuyển đổi công thức thức ăn chăn nuôi để giảm giá thành và cũng khiến cho nhập khẩu thịt của nước này giảm mạnh. <p>▶ Dịch bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong tuần 17-23/03, tiếp tục có thêm 142 ổ dịch tả châu Phi mới được ghi nhận tại 6 quốc gia, trong đó có cả Thái Lan.
	<p>▶ Giá heo Thái Lan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân chưa có điều chỉnh mới, vẫn giữ mức 89,50 baht/kg, tương đương >62.000 đồng/kg; - Tại miền Trung, giá heo đạt 86,00 baht/kg, tương đương >60.000 đồng/kg; - Giá heo con tiếp đà tăng trong tuần bắt đầu ngày 21/03 khi ghi nhận mức tăng 100 baht/con tại tất cả các loại nhờ sự hồi phục của giá heo hơi. 	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ **Tại Trung Quốc**

- Giá heo giao ngay lần kỳ hạn tại Trung Quốc ít biến động trong phiên giao dịch đầu tuần do thiếu các trợ lực về cung cầu. Theo đó, hôm nay giá heo bình quân tại Trung Quốc linh xình quanh 12,4 tệ/kg, tương đương 44.000 đồng/kg trong khi tại các tỉnh miền Nam, giá từ 13-13,4 tệ/kg, tương đương 47-48.000 đồng/kg.

- Tại sản Đại Liên, giá heo kỳ hạn tháng 5-7/2022 giảm nhẹ còn quanh 12,6-14,7 tệ/kg, tương đương 45-54.000 đồng/kg.

- Việc giá heo duy trì ở mức thấp trong giai đoạn dài khiến cho công ty chăn nuôi/người chăn nuôi Trung Quốc thua lỗ, phải tính phương án chuyển đổi công thức thức ăn chăn nuôi để giảm giá thành và cũng khiến cho nhập khẩu thịt của nước này giảm mạnh.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo hơi Trung Quốc chưa có nhiều điều chỉnh.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	12,36	▼ 0,03	▼ 13,86	44.400
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	13,00	▲ 0,07	▼ 15,23	46.700
	(DCE) Kỳ hạn T5/2022	CNY/kg	12,63	▼ 0,10	-	45.300
	(DCE) Kỳ hạn T7/2022	CNY/kg	14,69	▼ 0,04	-	52.700
	(DCE) Kỳ hạn T9/2022	CNY/kg	16,94	▲ 0,05	-	60.800
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	89,50	—0,00	▲ 9,25	62.300
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	86,00	—0,00	▲ 6,00	59.900
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	11.098	▼ 4	-	62.700
Lào	Giao ngay	LAK/kg	30.312	▼ 51	-	59.400
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	56.267	▼ 5.256	▲ 6.977	89.500
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	82,39	—0,00	▲ 11,96	41.800
Canada	Giao ngay	Penny/kg	235,47	—0,00	▲ 34,15	42.900
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,12	—0,00	▲ 0,04	25.800

Giá heo con tại Mỹ tuần này ít biến động so với tuần trước, nhu cầu vào đàn mới giai đoạn này tương đối ổn định do nguồn cung heo thịt năm 2022 được nhân định có chiều hướng giảm.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	24,32	—0,00	▲ 0,11	▼ 69,27	611.100
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	2.600	—0,00	▲ 100	▲ 200	1.800.000

	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.000 (+/- 88)	—0,00	▲ 100	▲ 200	2.070.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	65,36	—0,00	▼ 2,51	-	1.504.000
	Biểu 18kg	USD/con	119,89	—0,00	▲ 2,02	-	2.760.000
EU	Giá bình quân	EUR/con	53,50	—0,00	▲ 7,11	▼ 0,67	1.385.000

Giá thân thịt heo Mỹ tại sàn Chicago bất tăng mạnh tại hầu khắp các kỳ hạn trong phiên giao dịch cuối tuần trước lo ngại nguồn cung thắt chặt hơn.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	18,40	—0,00	▲ 0,18	▼ 1,29	▼ 18,15	66.100
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	109,90	—0,00	▲ 4,95	▼ 3,42	-	55.800
	(CME) Kỳ hạn T4/2022	Uscent/pound	107,48	—0,00	▲ 8,07	▲ 3,97	▲ 7,79	54.500
	(CME) Kỳ hạn T5/2022	Uscent/pound	117,90	—0,00	▲ 10,80	▲ 10,25	▲ 18,22	59.800
	(CME) Kỳ hạn T6/2022	Uscent/pound	125,85	—0,00	▲ 9,77	▲ 12,43	▲ 26,17	63.800
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,77	—0,00	▲ 0,03	▲ 0,08	▲ 0,25	40.700
EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	178,40	—0,00	▲ 13,33	▲ 40,97	▲ 17,27	46.200
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	175,70	—0,00	▲ 15,30	▲ 44,22	▲ 20,36	45.500
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	187,44	—0,00	▲ 12,98	▲ 9,04	▲ 12,86	48.500

(Ghi chú: Thân thịt heo EU nhóm S có độ nạc >60%; nhóm E từ 55-60%; nhóm R từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Trong tuần 17-23/03, tiếp tục có thêm 142 ổ dịch tả châu Phi mới được ghi nhận tại 6 quốc gia, trong đó chủ yếu dịch bệnh vẫn diễn ra trên heo rừng.

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2022

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
------	------------------------------

17/03/2022 & 18/03/2022	- Tổng cộng ghi nhận 3.536 con heo nhà tại Romainia bị nhiễm dịch tả châu Phi, 896 con bị chết và 36.000 con đã bị tiêu hủy.
17/03/2022 & 22/03/2022	- Hungary công bố 60 ổ dịch đối với heo rừng khiến 115 con bị nhiễm bệnh và chết.
18/03/2022	- 7 con heo rừng ở Ý tiếp tục được ghi nhận chết vì nhiễm dịch tả châu Phi; - 4 khu vực tại Thái Lan tiếp tục ghi nhận sự xuất hiện của dịch tả heo châu Phi khiến 11 con heo nhà bị nhiễm bệnh và chết, 9 con khác đã bị tiêu hủy.
22/03/2022	- Đức công bố 29 ổ dịch mới đối với heo rừng khiến 62 con chết vì nhiễm bệnh; - 17 ổ dịch khiến 48 con heo rừng ở Latvia ghi nhận chết vì dịch tả châu Phi.

Sản xuất – Tiêu thụ

Tại Mỹ

Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ vào tuần này đạt gần 2,42 triệu con, giảm 10 nghìn con so với tuần trước, đưa tổng lượng giết mổ trong năm 2022 tới ngày 26/03 đạt gần 29,55 triệu con, giảm 7% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

Bảng 5. Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
21/03/2022	478	468	468*	466	484
22/03/2022	479	479	947	945	952
23/03/2022	478	478	1.425	1.425	1.440
24/03/2022	477	477	1.902	1.902	1.928
25/03/2022	460	-	2.362	2.372	2.407
26/03/2022	57	-	2.419	2.430	2.547

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

Tại Trung Quốc

Trong tháng 2/2022, hầu hết các doanh nghiệp chăn nuôi đều ghi nhận doanh số bán heo sống giảm mạnh so với tháng trước đó, tuy nhiên lượng này vẫn thấp hơn đáng kể so với mức tương ứng của năm 2021.

Bảng 6. Lượng heo sống xuất bán của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc trong năm 2022 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 01	Tháng 02
-----	--------------	----------	----------

			Lượng xuất bán (1.000 con)	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)
1	Muyuan		7.831,0	-	▲ 60%
2	Zhenbang Tech	958,7	500,2	▼ 48%	▼ 34%
3	New Hope	1.292,6	977,3	▼ 24%	▲ 40%
4	Wen's	1.506,1	1.069,0	▼ 29%	▲ 144%
5	Cofco	404,0	357,0	▼ 12%	▲ 77%
6	Dabeinong	416,5	281,0	▼ 33%	▲ 63%
7	Aonong Bio	380,8	305,3	▼ 20%	▲ 105%
8	Tianbang	381,3	286,8	▼ 25%	▼ 6%
9	Tiankang Bio	126,9	80,3	▼ 37%	▼ 20%
10	Tang Ren Shen	130,4	122,4	▼ 6%	▼ 19%
11	Jin Xinnong	70,6	67,5	▼ 4%	▲ 42%
12	Luo Niu Shan	45,1	24,3	▼ 46%	▲ 2%
13	Dawnrays	46,6	30,1	▼ 35%	-
14	Zhenhong Tech	15,2	7,1	▼ 53%	▼ 5%
15	Guanghong Holdings	8,1	7,4	▼ 8%	-
16	Huatong	21,7	58,6	169%	-

PHỤ LỤC

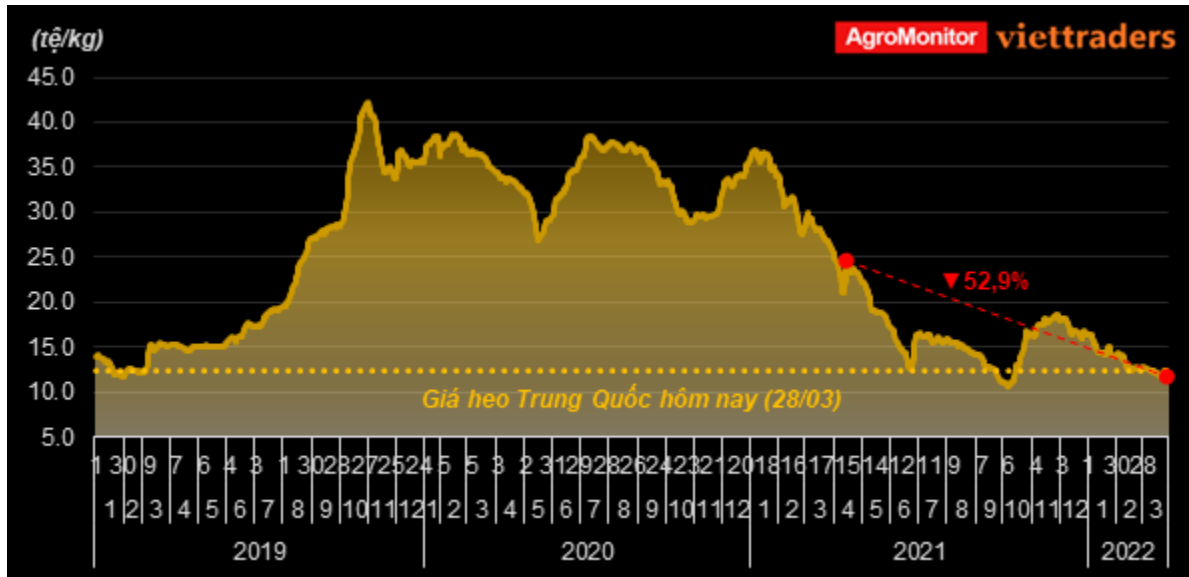
Diễn biến giá

► Trung Quốc

Bảng 7. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc ngày 28/03/2022

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	13,39	▼ 0,02	▲ 0,82	▼ 0,32	▼ 15,21	48.100
Quảng Tây	13,00	▲ 0,07	▲ 0,81	▼ 0,05	▼ 15,23	46.700
Vân Nam	11,74	▲ 0,09	▲ 0,49	▲ 0,26	▼ 14,40	42.200
Phúc Kiến	13,06	▲ 0,04	▲ 0,61	▼ 0,17	▼ 14,65	46.900
Tứ Xuyên	12,38	▲ 0,01	▲ 0,86	▼ 0,36	▼ 14,85	44.500
Liêu Ninh	11,89	▲ 0,02	▲ 0,28	▼ 0,30	▼ 12,88	42.700
Hà Bắc	12,20	— 0,00	▲ 0,34	▼ 0,21	▼ 13,20	43.800
Sơn Đông	12,37	▼ 0,02	▲ 0,47	▼ 0,53	▼ 13,13	44.400
Giá trung bình cả nước	12,36	▼ 0,03	▲ 0,58	▼ 0,29	▼ 13,86	44.400

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Trung Quốc từ 01/01/2019-28/03/2022 (tệ/kg)



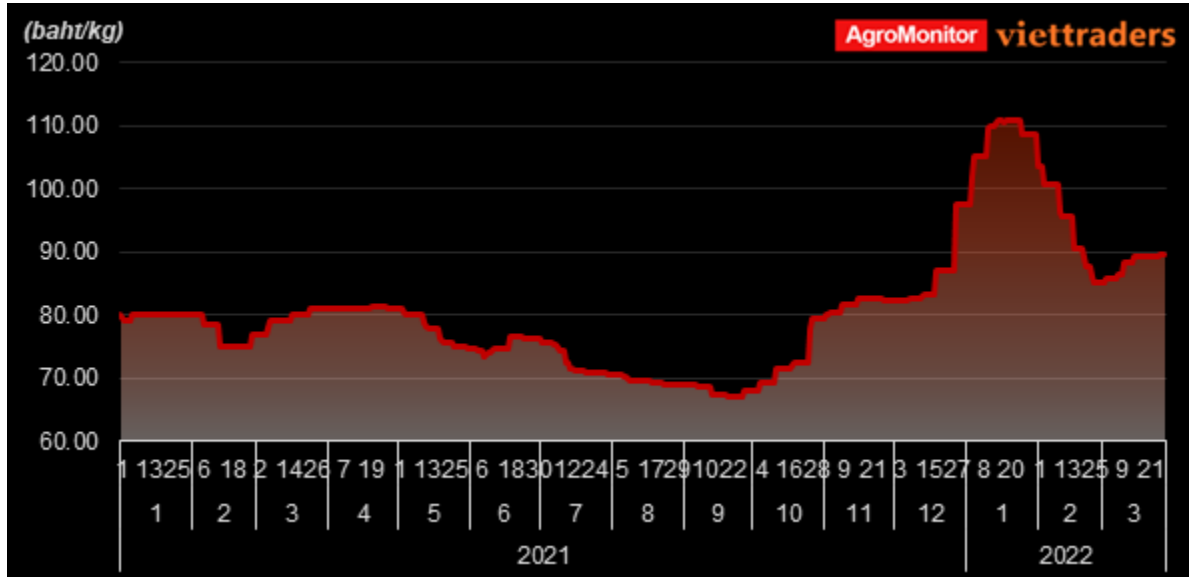
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

► **Thái Lan**

Bảng 8. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan ngày 27/03/2022

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	91,00	—0,00	—0,00	▲4,00	▲5,00	63.400
Vùng Đông Bắc	90,00	—0,00	—0,00	▲2,00	▲9,50	62.700
Miền Trung	86,00	—0,00	—0,00	▲8,00	▲6,00	59.900
Miền Đông	92,00	—0,00	—0,00	▲6,00	▲17,00	64.100
Miền Tây	88,00	—0,00	—0,00	▲4,00	-	61.300
Miền Nam	90,00	—0,00	▲2,00	▲2,00	-	62.700
Giá trung bình cả nước	89,50	—0,00	▲0,33	▲4,33	▲9,25	62.300

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Thái Lan từ 01/01/2021-27/03/2022 (baht/kg)



Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

Sản xuất

▶ *Tại Mỹ*

Sản lượng thịt heo Mỹ trong tuần kết thúc ngày 26/03 giảm 0,4% so với tuần trước đó.

Bảng 9. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1,000 tấn)	Lũy kế 2022 (1,000 tấn)	2022/2021 (%)
05/03/2022	132,9	2.419	239,5	2.205,9	▼7,8
12/03/2022	132,9	2.475	245,0	2.450,9	▼7,5
19/03/2022	132,4	2.430*	240,2*	2.691,1*	▼7,1
26/03/2022	132,4	2.419	239,3	2.930,4	▼7,0

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

Trong báo cáo mới nhất, Bộ NN Mỹ điều chỉnh giảm 0,2% đối với sản lượng thịt heo năm 2022.

Bảng 10. Cân đối cung cầu thịt heo Mỹ (nghìn tấn)

Năm	Nguồn cung (nghìn tấn)				Nhu cầu (nghìn tấn)		
	Tồn kho đầu kỳ	Sản lượng	Nhập khẩu	Tổng cung	Xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Tồn kho cuối kỳ
2021							

Ước tính T1/22	212	12.568	540	13.320	3.215	9.896	209
Ước tính T2/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.914	204
Ước tính T3/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.915	202
2022							
Dự báo T1/22	209	12.487	590	13.286	3.175	9.902	209
Dự báo T2/22	204	12.426	594	13.224	3.089	9.926	209
Dự báo T3/22	202	12.397	628	13.227	3.053	9.970	204

Thương mại

► Tại Mỹ

Lương thịt heo Mỹ bán mới trong tuần kết thúc 17/03 giảm gần 40% so với tuần trước đó.

Bảng 11. Diễn biến hoạt động xuất khẩu thịt heo của Mỹ

Tuần kết thúc ngày	Lượng xuất khẩu mới (tấn)	Lượng bán mới (tấn)	Tổng lượng đã bán cho niên vụ 2022 (tấn)			
			Tổng	Bán cho Mexico	Bán cho Trung quốc	Bán cho Việt Nam
24/02/2022	30.105	42.150	463.410	166.027 (▼10%)	59.342 (▼68%)	821 (▼60%)
03/03/2022	28.476	25.363	488.773	178.866 (▼6%)	62.934 (▼68%)	870 (▼62%)
10/03/2022	26.010	38.259	527.032	200.587 (▼4%)	63.696 (▼69%)	866 (▼64%)
17/03/2022	29.091	23.175	550.207	209.822 (▼7%)	64.200 (▼70%)	961 (▼65%)

Ghi chú: Thay đổi tương đối (%) của tổng lượng đã bán cho các thị trường là so sánh với cùng kỳ năm 2021.

B. THỊ TRƯỜNG TACN & CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

► Giá nguyên liệu TACN trên thế giới

Giá nguyên liệu TACN trên sàn CBOT có diễn biến ổn định hơn trong phiên giao dịch cuối tuần trước.

Bảng 12. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN trên thế giới

Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	So với hôm trước	Diễn biến chính
<u>Ngô</u>					

CBOT - Mỹ	T5/2022	cent/bushel	754,00	▲ 5,60	Giá ngô kỳ hạn tháng 5 trên sàn CBOT có xu hướng đi xuống phiên giao dịch châu Á/Âu do chịu áp lực bởi sự suy yếu lan tỏa từ thị trường lúa mì và thị trường năng lượng nhưng ngay sau đó đã tăng trở lại.
DCE - Trung Quốc	T5/2022	CNY/tấn	2887	▼ 15	
<u>Lúa mì</u>					
CBOT - Mỹ	T5/2022	cent/bushel	1102,20	▲ 16,40	Mặc dù đã có lúc giảm xuống dưới ngưỡng 1070 Uscent/giạ trong phiên giao dịch châu Á/Âu nhưng ngay sau đó, giá lúa mì kỳ hạn tháng 5 trên sàn CBOT đã quay đầu tăng điểm trở lại cho tới cuối phiên và đóng cửa ở mức 1102,2 Uscent/giạ, tương đương tăng 1,5% so với chốt phiên hôm trước
FOB - Canada 13,5%	T5/2022	USD/tấn	443,75	▼ 2,50	
<u>Khô đậu tương</u>					
CBOT - Mỹ	T5/2022	USD/tấn ngắn	487,90	▲ 2,00	Giá khô đậu tương CBOT có xu hướng tăng theo đà đi lên của giá đậu tương CBOT nhưng đã tăng có phần hạn chế khi nhu cầu mua hàng của các nhà nhập khẩu chậm lại, kỳ vọng giá giảm thêm.
DCE - Trung Quốc	T5/2022	CNY/tấn	4347	▼ 41	

► **Giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc**

Theo giám sát giá của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc tại 500 điểm chợ nông sản, thu mua trên cả nước, trong tuần bắt đầu ngày 21/03/2022, giá trứng và thức ăn chăn nuôi tiếp đà tăng trong khi giá hầu khắp các sản phẩm chăn nuôi khác vẫn chưa ghi nhận sự phục hồi.

Bảng 13. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần bắt đầu ngày 21/03/2022

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<u>Thức ăn chăn nuôi</u>					
Ngô	2,92	▲ 0,3%	▼ 2,3%	10.600	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các khu vực sản xuất chính là 2,64 tệ/kg, tăng 0,4% so với tuần trước; - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, khu vực bán hàng chính , là 3,11 tệ/kg, tăng 0,3% so với tuần trước.
Khô đậu tương	4,72	▲ 3,3%	▲ 24,9%	17.100	- Tăng liên tiếp trong 14 tuần, vượt mức cao nhất kể từ 2017.

Cám heo	3,81	▲0,8%	▲5,0%	13.800	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng; - Mức giá cao nhất kể từ năm 2017.
Sản phẩm chăn nuôi					
Thịt heo	22,65	▼2,1%	▼50,2%	81.800	
Thịt bò	87,16	▼0,2%	▼0,4%	314.900	- Giảm trong tuần thứ 6 liên tiếp; - Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 79,32 tệ/kg, ít biến động so với tuần trước.
Thịt cừu	83,56	▼0,4%	▼2,8%	301.900	- Giảm trong tuần thứ 6 liên tiếp; - Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 78,20 tệ/kg, giảm 0,2% so với tuần trước.
Thịt gà	22,54	—0	▼0,4%	81.400	
Sữa bò	4,19	▼0,2%	▼2,1%	15.100	- Giá bình quân tại 10 tỉnh sản xuất bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc; - Mức giá thấp nhất kể từ cuối năm 2020.
Trứng gà	10,37	▲1,8%	▲7,8%	37.500	- Tăng trong 2 tuần liên tiếp.

Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

C. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

► Tỷ giá một số đồng tiền chính

Bảng 14. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 28/03/2022

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,752	—0,00	AUD/VND*	17.434	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,211	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,802	—0,00	CAD/VND*	18.536	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,157	—0,00	CNY/VND	3.591	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,098	—0,00	EUR/VND*	25.900	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,318	—0,00	GBP/VND*	30.642	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,59	—0,00

KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,65	-0,00
LAK (Lào)	-	-	-	LAK/VND	1,96	-0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	-0,00	THB/VND*	696	-0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	23.010	-0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank
Thị trường Gia súc nội địa ngày 28/3/2022

15:15 28/03/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 28/03/2022

THỊ TRƯỜNG HEO	
Giao dịch heo hơi nội địa	
<u>Miền Bắc</u>	Việc các công ty chứng đã tăng giá vào cuối tuần trước khiến heo dân đổ ra bán nhiều hơn, với vùng giá từ 53.000-55.000 đồng/kg. Do đó, mặc dù lượng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc giảm đáng kể nhưng mặt bằng giá heo miền Bắc hôm nay cũng giảm còn phổ biến 54.000-55.000 đồng/kg, mức trên 55.000 đồng/kg khó bán
<u>Miền Trung & miền Nam</u>	2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, giao dịch heo ảm đạm do lực đóng heo ra Bắc gần như đóng băng. Với mặt bằng giá miền Bắc hiện nay thì heo loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam phải giảm còn dưới 51.000 đồng/kg mới có lực cầu đóng ra Bắc. Theo đó, mặc dù một số công ty lớn vẫn giữ giá heo quanh 55.000-57.000 đồng/kg nhưng cũng có công ty giảm còn quanh 53.000-54.000 đồng/kg khi thị trường giao dịch chậm.
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ	
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Bắc</u>	<u>Chợ Ngọc Lũ:</u> - Lượng heo về chợ giảm lại, còn khoảng 2.500 con, trong đó có 4-5 xe heo miền Nam. - <u>Giao dịch tại chợ:</u> Do giá heo dân rẻ nên thương lái có xu hướng chuyển bắt heo dân nhiều hơn, giảm mua tại chợ nên chợ bán chậm, với giá heo đầu 56.000 đồng/kg, phổ biến 53.000 đồng/kg. <u>Lò mổ Vạn Phúc:</u> Giá heo móc hàm (gồm cả đầu lòng): 67.000-72.000 đồng/kg
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Nam</u>	<u>Chợ Tân Xuân:</u> - Trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, do nhu cầu đóng heo ra Bắc giảm nên heo đưa về chợ vẫn khá nhiều, quanh 4.200-4.300 con/ngày cho dù giá rớt mạnh vào những phiên giao dịch giữa tuần.

- *Giao dịch tại chợ:* Chợ bán yếu, với giá rớt từ **50.000** đồng/kg trở lên, gây thua lỗ cho các thương lái đưa hàng về chợ.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc**, việc các công ty chững đả tăng giá vào cuối tuần trước khiến heo dân đồ ra bán nhiều hơn, với vùng giá từ 53-55.000 đồng/kg. Do đó, mặc dù lượng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc giảm đáng kể do vùng chênh lệch không còn hấp dẫn nhưng mặt bằng giá heo miền Bắc hôm nay cũng giảm còn phổ biến 54-55.000 đồng/kg, mức trên 55.000 đồng/kg khó bán. Dự kiến heo dân miền Bắc sẽ vẫn bán ra mạnh vào đầu tuần sau đó giảm nhịp bán vào giữa và cuối tuần.

- Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ vẫn khá chậm do ảnh hưởng của dịch Covid 19 cùng thời tiết nắng hơn, các công ty cũng có xu hướng linh hoạt giá để tránh tồn kho.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		56.000	57.000	55.000-57.000
Heo dân	Thái Bình	53,000-56,000	55,000-57,000	54.000-57.000
	Bắc Giang	54,000-56,000	55,000-56,000	53.000-56.000
	Hà Nội	54,000-56,000	55,000-56,000	54.000-56.000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		120,000-125,000	120,000-125,000	120,000-125,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,100,000-1,300,000	1,100,000-1,300,000	1,100,000-1,300,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

- Tại **miền Trung và miền Nam**, 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, giao dịch heo ảm đạm do lực đóng heo ra Bắc gần như đóng băng. Với mặt bằng giá miền Bắc hiện nay thì heo loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam phải giảm còn dưới 51.000 đồng/kg mới có lực cầu đóng ra Bắc. Theo đó, mặc dù một số công ty lớn vẫn giữ giá heo quanh 55-57.000 đồng/kg nhưng cũng có công ty giảm còn quanh 53-54.000 đồng/kg khi thị trường giao dịch chậm.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	55,000	56,000	54,000-56,000
	Nam Trung Bộ	55,000-57,000	55,000-57,000	53,000-57,000
Heo dân	Nghệ An	53,000-54,000	53,000-55,000	55,000-55,000
	Bình Định	54,000-55,000	54,000-56,000	54,000-56,000
	Đắk Lắk	52,000-54,000	52,000-55,000	51,000-55,000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	55,500-57,000	55,500-57,000	52,500-57,000
	Miền Tây	55,500-57,000	55,500-57,000	52,500-57,000
Heo dân	Đồng Nai	53,000-56,000	53,000-56,000	51,000-56,000
	Tiền Giang	52,000-55,000	52,000-55,000	51,000-55,000
	Bến Tre	52,000-54,000	52,000-54,000	50,000-54,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ giảm lại, còn khoảng 2.500 con, trong đó có 4-5 xe heo miền Nam. Do giá heo dân rẻ nên thương lái có xu hướng chuyển bắt heo dân nhiều hơn, giảm mua tại chợ nên chợ bán chậm, với giá heo đầu 56.000 đồng/kg, phổ biến 53.000 đồng/kg.

- Tại **chợ Tân Xuân**, trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, do nhu cầu đóng heo ra Bắc giảm nên heo đưa về chợ vẫn khá nhiều, quanh 4.200-4.300 con/ngày cho dù giá rớt mạnh vào những phiên giao dịch giữa tuần. Chợ bán yếu, với giá rớt từ 50.000 đồng/kg trở lên, gây thua lỗ cho các thương lái đưa hàng về chợ. Thương lái bán lẻ cho biết, do lượng thịt heo nhập khẩu về Việt Nam giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm 2022 nên tiêu thụ phụ phẩm như chân giò, xương, đùi khá tốt, cùng mức giá cao trong khi tiêu thụ chính phẩm như ba rọi (ba chỉ), thăn, vai lại rất chậm.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

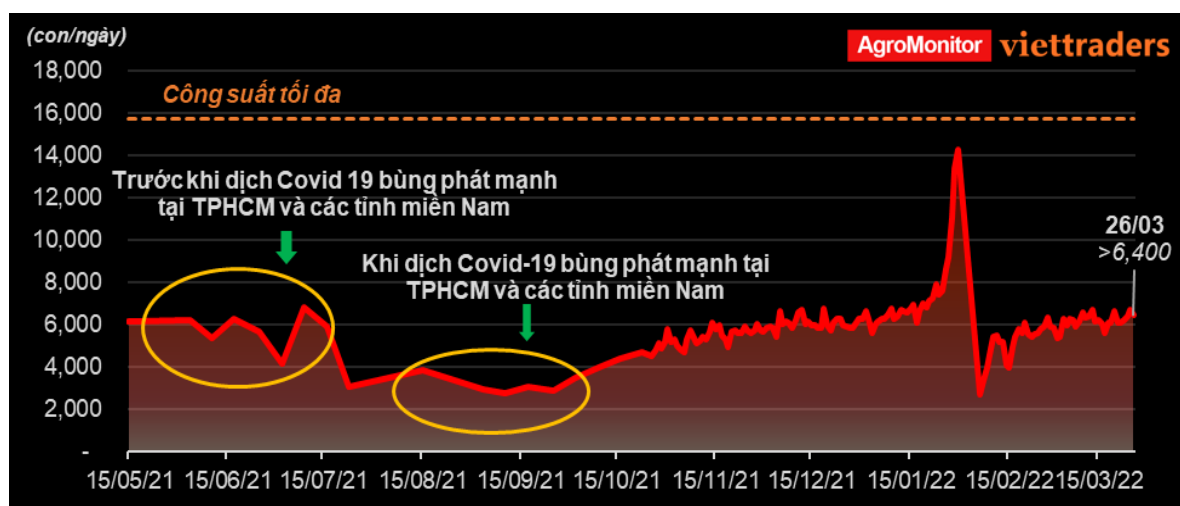
Khu vực	Chợ đầu mối		28/03/2022	25/03/2022
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	~2,500	~2,500
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến (đồng/kg)	53,000-56,000	55,000-60,000

Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	4,250	~4,400
		Giá giao dịch (đồng/kg)	50,000-68,000	45,000-68,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại	Khu vực	28/03/2022	25/03/2022	
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	78,500-80,000	78,500-80,000
		CP - miền Nam	69,500-71,500	69,500-71,500
		CJ - miền Nam	70,500	70,500
		Eminvest - miền Nam	71,500	71,500
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	67,000-72,000	71,000-74,000
	Công ty	CP - miền Nam	33,000-34,000	33,000-34,000

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 26/03/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 7. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai bùng phát/tái bùng phát tại một số vùng.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi vẫn nổi lác đác tại các địa phương thuộc khu vực Bắc miền Trung. Trong đó, tại Nam miền Trung, dịch bệnh có chiều hướng êm hơn nhờ yếu tố thời tiết nắng, khô, giúp dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai nổi tại cả miền Đông và miền Tây.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

I. Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	28/03/2022	25/03/2022
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cò – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

Bảng 9. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	28/03/2022	25/03/2022
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cò – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 28/3/2022

12:04 28/03/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 28/03/2022

<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 37.000-39.500 đồng/kg Nguồn cung dần hồi phục trong khi thời tiết tuần này được dự báo sẽ mưa giông kéo dài khiến tiêu thụ gia cầm chậm hơn kéo giá gà có thể sẽ tiếp tục giảm thêm.
	Tại miền Nam: 34.000-36.000 đồng/kg Dự kiến, giá có khả năng sẽ quay đầu giảm lại trong một vài ngày tới do lúa gà thả nuôi sau dịp nghỉ Tết đã đạt biểu xuất chuồng khiến nguồn cung dồi dào hơn.
<u>Gà màu</u>	Gà ta lai 75 ngày tại miền Bắc: 41.000-43.000 đồng/kg Gà màu trên 4 tháng tại miền Bắc: 50.000-55.000 đồng/kg Nguồn cung gà màu các loại tại Bắc Bộ nhìn chung đang vẫn lại

<u>Lưu chuyển gà màu</u>	Giá gà màu quanh khu vực Hà Nội đồng loạt tăng khiến gà Japfa từ miền Trung gom ra nhiều hơn, ước tính khoảng 6.000 con/ngày.
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: 42.000-44.000 đồng/kg Tiêu thụ vịt những ngày cuối tháng âm lịch khá tốt
	Tại miền Đông: 40.000-43.000 đồng/kg Tại miền Tây: 44.000-45.000 đồng/kg Tại miền Tây, sức mua tại trại trời hơn hỗ trợ giá nhích nhẹ trong khi nguồn cung vịt khu vực miền Đông tương đối dồi dào khiến giá đi ngang.
<u>Giao dịch chợ Hà Vỹ</u>	Lượng gà trắng về chợ: 2.000 con/ngày Giá gà trắng nhập về chợ: 42.000 đồng/kg Giá gà trắng bán ra tại chợ: 41.500-46.000 đồng/kg Tiêu thụ gà trắng tại chợ rất yếu khiến nhiều thương lái lần tiểu thương tại chợ ngày đi ngày nghỉ

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, giá công ty lẫn trại dân đồng loạt giảm vào cuối tuần trước và đầu tuần này, xuống phổ biến 37-39.000 đồng/kg, giá hàng đầu bán được 39.500 đồng/kg áp dụng với gà biểu to trên 3.8 kg/con. Nguồn cung gà trắng có chiều hướng dần hồi phục trong khi thời tiết tuần này được dự báo sẽ mưa giông kéo dài khiến tiêu thụ gia cầm chậm hơn kéo giá gà có thể sẽ tiếp tục giảm thêm.

- Tại miền Nam, giao dịch gà trắng chưa có nhiều biến động mới, giá bán tại trại dao động 34-36.000 đồng/kg, tùy biểu tùy vùng. Dự kiến, giá có khả năng sẽ quay đầu giảm lại trong một vài ngày tới do lứa gà thả nuôi sau dịp nghỉ lễ Tết đã đạt biểu xuất chuồng khiến nguồn cung dồi dào hơn.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	38.000-39.500	39.000-41.500	39.000-42.500
	Miền Nam	34.000-36.000	34.000-36.000	30.000-33.000
Gà trong dân	Miền Bắc			
	Thái Nguyên	37.000-39.000	39.000-41.000	38.000-41.000
	Vĩnh Phúc	38.000-39.000	40.000-41.500	38.000-41.500
	Hà Nội	38.000-39.000	40.000-41.500	38.000-41.500
	Miền Nam			

	Bình Dương	35.000-36.000	35.000-36.000	30.000-33.000
	Bình Phước	35.000-36.000	35.000-36.000	30.000-33.000

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm giết mổ bình quân trong tuần thứ 4 của tháng đạt gần 66.400 con/ngày, giảm nhẹ so với mức 67.300 con/ngày trong tuần trước đó.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 4 tháng 3 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	21/03	22/03	23/03	24/03	25/03	26/03
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	68,580	67,130	68,130	62,026	63,661	68,625

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)

Diễn biến gà trắng giống

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	28/03/2022	25/03/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	8.000-9.500	8.000-9.500
	Ăn cám công ty	8.000-8.500	8.000-8.500
DOC- miền Nam	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000
	Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	28/03/2022	25/03/2022
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2550	2550
	Mix04(>=20.3kg)	2450	2450
	Mix05(>=19.3kg)	2400	2400
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2400	2400
	Loại 22.5kg	2300	2300
	Loại 21.5kg	2200	2200
	Loại 20.5kg	2150	2150
	Loại 19.5kg	2100	2100

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà màu các loại đồng loạt tăng tốt vào cuối tuần trước và đầu tuần này do nguồn cung nhìn chung vẫn lại:

+ Sau 2 lần điều chỉnh tăng, giá gà ta lai CP nuôi 75 ngày tuổi đạt 41-43.000 đồng/kg. Với vùng giá này, công ty chăn nuôi hiện mới chỉ hòa vốn hoặc có chút lời do giá cám nhồng tăng liên tục trong thời gian gần đây.

+ Với gà nuôi trên 4 tháng tại Dabaco và Minh Dur, giao dịch cũng lần lượt tăng lại mức 50-52.000 đồng/kg và 53-55.000 đồng/kg.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	41.000-43.000	37.000-41.000	37.000-41.000
Gà ta lai CP – miền Trung	40.000-44.000	40.000-44.000	40.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Nam	44.000-45.000	44.000-45.000	44.000-45.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-52.000	45.000-48.000	45.000-48.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	55.000-58.000	55.000-58.000	55.000-58.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	53.000-55.000	50.000-51.000	50.000-51.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	55.000-60.000	55.000-60.000	55.000-60.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Loại con giống	28/03/2022	25/03/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	10.000-11.000	10.000-11.000
DOC-Minh Dư	9.000-10.000	9.000-10.000
DOC- Tiến Đạt	11.000-12.500	11.000-12.500
DOC- Lai mía	11.500-12.000	11.500-12.000
DOC- Lai Hồ	11.000-12.000	11.000-12.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Loại con giống	28/03/2022	25/03/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-6.000	5.000-6.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt tiếp tục điều chỉnh tăng vào cuối tuần trước, lên 42-44.000 đồng/kg do tiêu thụ vịt những ngày cuối tháng âm lịch khá tốt. Tuy nhiên, nguồn cung nội vùng dồi dào hơn khiến giá được nhận định khó tăng tiếp.

- Với giao dịch con giống, giá bơ giống tại các công ty trên hóa đơn giữ ở mức khá cao 20-22.000 đồng/con, tuy nhiên giao dịch thực tế chỉ được 17-18.000 đồng/con do đầu tháng 4 tới, một loạt các công ty lớn thông báo tiếp tục tăng giá cám khiến người chăn nuôi dè chừng trong việc tái đàn. Có những thời điểm trong tuần trước, khi vịt bơ giống có tình trạng tồn lại nhiều trong ngày khiến một số bên chào xuống còn 13-14.000 đồng/con. Theo đó, giá bầu cánh trắng giống cũng giảm lại về 5-6.000 đồng/con.

- Tại miền Đông, giá vịt thịt ổn định quanh mức 40-43.000 đồng/kg. Nguồn cung vịt tương đối nhiều khiến thị trường không mấy kỳ vọng vào lực tăng của giá vịt.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	28/03/2022	25/03/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	42.000-44.000	40.000-42.000	38.000-42.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	40.000-43.000	40.000-43.000	38.000-43.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	44.000-45.000	43.000-44.000	43.000-46.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Loại con giống	28/03/2022	25/03/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	17.000-18.000	17.000-18.000
	DOC- Vịt Grimaud	17.000-18.000	17.000-18.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	5.000-6.000	7.000-8.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	15.000-16.000	15.000-16.000
	DOC- Vịt Cherry	19.000	19.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, tiêu thụ gà trắng tại chợ rất yếu khiến nhiều thương lái lẫn tiểu thương tại chợ ngày làm ngày nghỉ, theo đó lượng gà trắng đổ về chợ nay vẫn cầm chừng ở mức thấp, được khoảng 2.000 con. Giá gà trắng nhập về chợ (mua xô) có chiều hướng giảm lại, xuống 42.000 đồng/kg, theo đó giá bán ra được 41.500-46.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái.

Với giao dịch gà màu, lượng gà về chợ ổn định khoảng trên dưới 10.000 con vào hôm nay. Chợ chủ yếu tiêu thụ gà Japfa từ miền Trung đưa về do giá gà màu tại quanh khu vực Hà Nội đồng loạt tăng lại, ước tính khoảng 6.000 con/ngày với giá lên xe 45.000 đồng/kg, giá xuống xe được 47-48.000 đồng/kg, đây giá bán tại chợ được 54-55.000 đồng/kg. Với gà màu Dabaco, giá gà màu nhập về chợ cũng quay đầu tăng lại lên ngưỡng 49-50.000 đồng/kg, giá bán ra tại chợ được 55-56.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	28/03/2022	25/03/2022
Gà trắng	Mua vào	42.000	44.500-45.000
	Bán ra	41.500-46.000	44.000-47.500
Gà màu Dabaco	Mua vào	49.000-50.000	47.000
	Bán ra	55.000-56.000	53.000-54.000
Gà Japfa (Miền Trung đưa ra)	Mua vào	47.000-48.000	46.000-47.000
	Bán ra	54.000-55.000	53.000-54.000